

CẤU TRÚC CỘNG ĐỒNG CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO DI CƯ TẠI NAM BỘ VÀ NHỮNG CHUYỂN BIẾN CỦA CẤU TRÚC NÀY

NGUYỄN ĐỨC LỘC

Năm 1954, hiệp định Genève được ký kết, nước Việt Nam bị chia cắt thành hai miền Nam - Bắc, hàng trăm ngàn tín đồ Công giáo vùng đồng bằng Bắc bộ phải rời bỏ quê hương, làng mạc để di cư vào miền Nam sinh sống và lập nghiệp. Trong quá trình lập xứ, lập làng, những tín đồ Công giáo di cư năm 1954 đã đưa phong tục tập quán, lối sống của người miền Bắc vào trong việc tổ chức cuộc sống mới của cộng đồng trên vùng đất Nam bộ, như là sự nhắc nhở về lịch sử ly hương của cộng đồng.

Với cách tiếp cận cấu trúc - chức năng luận, chúng tôi nhận thấy rằng những biểu hiện về việc giữ gìn bản sắc văn hóa, lối sống của người Công giáo di cư miền Bắc năm 1954, thông qua việc tạo dựng lại mô hình tổ chức làng xã cổ truyền Bắc bộ nơi vùng đất Nam bộ là quá trình tái sản xuất xã hội, suy cho cùng là quá trình củng cố sự cố kết xã hội của các cộng đồng địa phương: chúng tạo điều kiện duy trì sự liên kết xã hội (Gluckman, 1954). Chính vì vậy, nghiên cứu về cấu trúc cộng đồng Công giáo di cư trong bối cảnh hiện nay là một vấn đề khá lý thú, thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các ngành lịch sử, tôn giáo học và dân tộc học.

Từ trước tới nay đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về giáo hội và lối sống đạo của các tín đồ Công giáo Việt Nam dưới nhiều góc độ khác nhau. Nội dung của các

công trình và bài viết đó đề cập đến quá trình hình thành và phát triển của Công giáo, mô tả giáo lý, giáo luật và lễ nghi Công giáo, xu hướng canh tân, nhập thể của công đồng Vatican II... Tiêu biểu là các công trình nghiên cứu: *Lịch sử đạo Thiên Chúa ở Việt Nam* (Hồng Lam, 1944); *Lịch sử giáo hội Công Giáo* (Bùi Đức Sinh, 1972); *Một số vấn đề về lịch sử Thiên Chúa giáo ở Việt Nam* (Đỗ Quang Hưng, 1991); *Nghi lễ và Lối sống Công giáo trong văn hóa Việt* (Nguyễn Hồng Dương, 2001); *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam* tập I và tập II (Trương Bá Cẩn, 2008); *Quá trình hình thành và phát triển cộng đồng Công giáo người Việt vùng đồng bằng sông Cửu Long* (Trần Hữu Hợp, 2005); *Một số vấn đề nghiên cứu Công giáo* (Nguyễn Hồng Dương và cộng sự, 2008)... và một số bài viết đăng trong các sách, tạp chí chuyên ngành, tham luận hội thảo: “Công Giáo” in trong sách *Một số tôn giáo ở Việt Nam* (Nguyễn Thanh Xuân, 1993); “Nghi lễ, chuẩn mực và tính linh hoạt trong đời sống đạo ở vùng Công giáo Hồ Nai - Đồng Nai”, in trong sách *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay* (Nguyễn Đức Lộc, 2008); “Cơ cấu tổ chức xã hội - Tôn giáo trong một số Làng Thiên Chúa giáo ở Kim Sơn - Ninh Bình nửa sau thế kỷ XIX đến nửa sau thế kỷ XX”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 2 (303) (Nguyễn Phú Lợi,

1999)... Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đề cập đến lịch sử Công giáo thì nhiều, nhưng nghiên cứu dưới khía cạnh “*Cấu trúc cộng đồng người Việt Công giáo di cư năm 1954*” thì vẫn là lãnh địa còn bỏ ngỏ cần được tiếp tục nghiên cứu, để từ đó có thể hiểu rõ hơn vị trí của người Công giáo trong cộng đồng dân tộc Việt Nam qua quá trình hội nhập văn hóa Ki-tô giáo vào đời sống văn hóa dân tộc.

Trong bài viết này, chúng tôi tập trung trình bày, phân tích những đặc điểm cơ bản của cấu trúc cộng đồng Công giáo di cư tại Nam bộ, đồng thời, phân tích, lý giải những chiến lược ứng xử của các tín đồ Công giáo trong mối tương quan với cấu trúc cộng đồng Công giáo di cư hiện nay, nhằm thấy rõ được quá trình vận động, chuyển biến của cấu trúc cộng đồng của người Công giáo di cư năm 1954 trong bối cảnh hiện nay.

1. Ly hương và tái lập cộng đồng

Sau biến cố lịch sử năm 1954 - hiệp định Genève được ký kết, nước Việt Nam bị chia cắt thành hai miền Nam - Bắc. Nhiều tín đồ Công giáo miền Bắc dắt díu nhau vào miền Nam. Họ vốn dĩ có truyền thống ngàn đời bám lấy nơi chôn nhau cắt rốn, không bỏ mồ mã tổ tiên, không xa ngôi nhà thờ tự, nhưng vì tin Chúa, tin cha (linh mục) mà họ phải rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn để làm chuyển hành phương Nam đầy bất trắc. Trong cách nhìn của người Việt, tha phương cầu thực là cái nhục của kẻ bất đắc dĩ phải bỏ xứ. Thân phận cuộc đời và di sản cộng đồng của những tín đồ Công giáo di cư từ thời khắc ấy cũng bị mặc định là “cộng đồng ly hương”. Cuộc “Nam tiến” năm xưa (1954) gieo vào lòng họ cùng lúc hai nỗi đau day dứt xót đau. Nỗi đau trước hết là phải bỏ

lại đằng sau nơi chôn nhau cắt rốn để làm chuyển hành phương Nam đầy trắc trở. Nỗi đau thứ hai là chuyển ra đi ngày ấy của họ bị khoác lên mình màu sắc chính trị, mà lịch sử ngày nay vẫn còn ghi lại như là “cuộc chia ly” trong một xứ sở. Chính vì vậy, khi đến định cư trên vùng đất mới họ vừa phải nhanh chóng thích nghi với điều kiện sinh sống nơi sở tại, vừa phải củng cố, thiết lập lại cấu trúc làng - xã cổ truyền phù hợp với các giá trị đạo đức, phong tục tập quán của những người cùng chung quê quán, thân thiện với nhau để tồn tại. Qua đó, họ có điều kiện bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống nơi quê nhà, xoa dịu được nỗi đau xa quê, cùng nhau gắn bó, nâng đỡ nhau trong thân phận người ngụ cư. Chính vì vậy, cơ cấu tổ chức của một giáo xứ Công giáo hiện nay thể hiện sự hợp nhất, tích hợp (Integration) các thành phần liên quan đến mô hình cấu trúc làng - xã cổ truyền và mô hình tổ chức giáo xứ của giáo hội Công giáo.

Sau khi di cư từ miền Bắc vào miền Nam năm 1954, những tín đồ Công giáo di cư có điểm tựa tinh thần rất vững chắc, đó là thủ tướng Ngô Đình Diệm, người đồng đạo của họ. Cho nên, bước đầu nơi xứ lạ, các linh mục đã bắt tay với chính quyền nhanh chóng ổn định cuộc sống cho hàng trăm ngàn người, với nguồn tiền trợ giúp khổng lồ của Hoa Kỳ. Việc ưu tiên hàng đầu của các linh mục và tín đồ Công giáo trong giai đoạn đầu định cư là xây dựng, phục hồi lại các xứ đạo theo mô hình các giáo xứ Công giáo miền Bắc ngay sau khi định cư, với việc xây dựng nhà thờ, nhà nguyện, trường học, thành lập cơ cấu tổ chức nhân sự để điều hành giáo xứ...

Có thể thấy, quá trình định cư tại vùng đất mới, người ta đã phải chọn lựa những yếu

tổ cốt lõi nhất để gìn giữ truyền thống, yếu tố nào không phù hợp thì loại bỏ hoặc hòa vào các yếu tố Công giáo để tồn tại. Cơ cấu tổ chức Hội đồng giáo xứ được mô phỏng theo cơ cấu làng xã truyền thống của người Việt là Hội đồng kỳ mục, cùng với các nhóm, phe, hội được vận hành trong các nhóm hội đoàn Công giáo như: các giới, hội đoàn... Mô hình hoạt động các giáo xứ được vận hành theo mô hình tự quản cộng đồng bao gồm: Hội đồng giáo xứ, Ban điều hành các giáo khu, Ban trị sự các giới. Thực tế tính sáng tạo trong việc vay mượn những thiết chế làng xã cổ truyền vào mô hình tổ chức giáo xứ xuất phát từ các nhà truyền giáo phương Tây với chiến lược thích nghi với phong tục tập quán người Việt khi thiết lập các thiết chế cộng đồng trong họ đạo, giáo xứ.

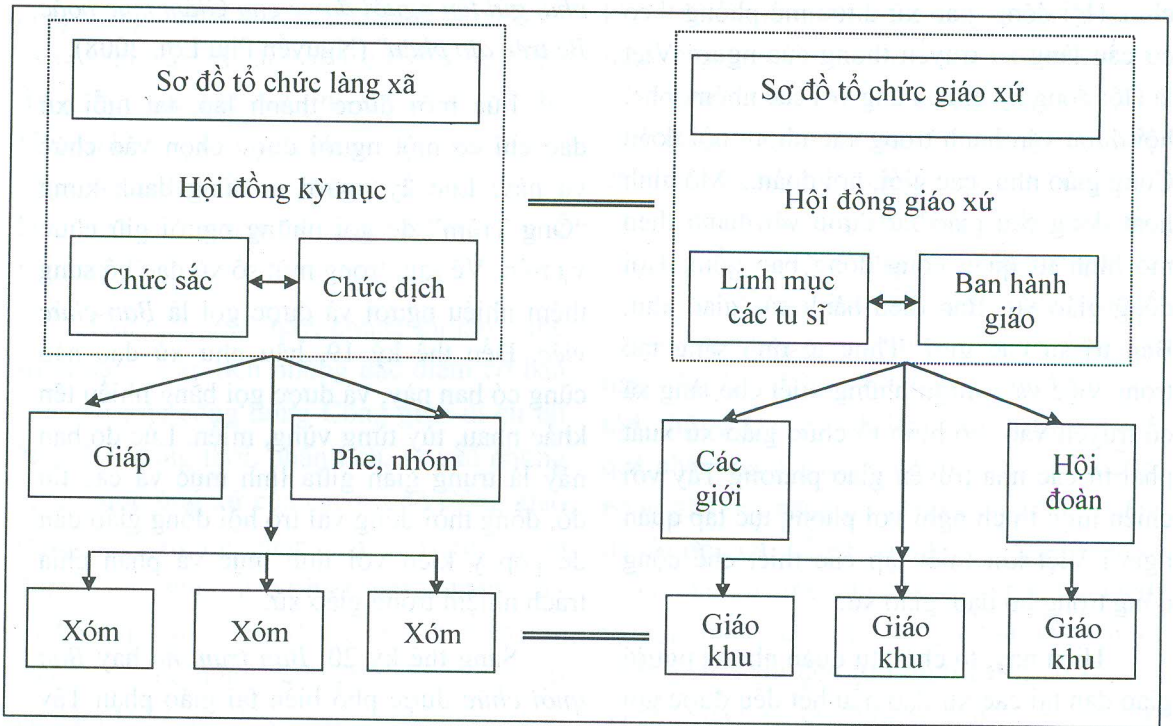
Hiện nay, tổ chức tự quản những người giáo dân tại các xứ đạo hầu hết đều được gọi là *Hội đồng mục vụ* hay *Ban hành giáo*, do ảnh hưởng của Điều 536 trong bộ Giáo luật, năm 1983. Tuy nhiên, hội đồng này đã có rất nhiều tên gọi khác nhau gắn liền với lịch sử truyền giáo tại Việt Nam, tùy từng miền: *Ban chức việc*, *Ban trùm họ*, *Ban quới chức*, *Hội đồng giáo xứ*... (Nguyễn Phú Lợi, 2008, tr. 41-46). Đây chính là một điểm đặc biệt phong phú trong quá trình hình thành và phát triển của giáo hội Công giáo Việt Nam. Khoảng thế kỷ thứ 17, tại Việt Nam, *Ban trùm họ* hay *Ban quới chức* là một tổ chức được các linh mục thừa sai thiết lập nhằm trợ giúp cho các vị trong việc truyền giáo. Các ban này được chính thức công nhận tại công nghị Phó Hải (Hội An) năm 1672, dưới sự chủ tọa của đức cha Lambert de la Motte. Trong Khoản 4 của công nghị này có nói như sau: “*Nơi nào có nhiều bốn đạo, mà không có Linh Mục hoặc Thầy Giảng, Kẻ*

Giảng thì phải chọn một người khôn ngoan, đức hạnh để viếng thăm kẻ liệt, rửa tội cho trẻ thơ hoặc những người gần sinh thì, và phải gửi tên người đó về cho Giám mục hoặc Bề trên địa phận” (Nguyễn Phú Lợi, 2008).

Lúc mới được thành lập, tại mỗi xứ đạo chỉ có một người được chọn vào chức vụ này. Lúc ấy người ta dùng danh xưng “Ông Trùm” để gọi những người giữ chức vụ trên. Về sau, trong một số xứ đạo bổ sung thêm nhiều người và được gọi là *Ban chức việc*. Đến thế kỷ 19, hầu như xứ đạo nào cũng có ban này, và được gọi bằng nhiều tên khác nhau, tùy từng vùng, miền. Lúc đó ban này là trung gian giữa linh mục và các tín đồ, đồng thời đóng vai trò hội đồng giáo dân để góp ý kiến với linh mục và phân chia trách nhiệm trong giáo xứ.

Sang thế kỷ 20, *Ban trùm họ* hay *Ban quới chức* được phổ biến tại giáo phận Tây Đàng Trong (năm 1924) và giáo phận Quy Nhơn (năm 1953). Trong đó, tại Điều 3, Điều lệ *Quới chức* (tức Hội đồng mục vụ) của giáo phận Vĩnh Long có quy định: Ban Thường vụ quới chức là những chức việc được tuyển chọn để điều hành họ đạo, dưới quyền điều khiển của cha sở và thường xuyên giải quyết những vấn đề đã được quyết định sẵn. Ban Thường vụ gồm có: ông Trùm, ông Câu, ông Biện Thư Ký, ông Biện Thủ Quỹ. Những chức danh này không được phổ biến trong các xứ đạo miền Bắc hay các giáo xứ của người Công giáo di cư. Tuy nhiên, ở những giáo xứ gốc miền Nam và miền Trung thì vẫn còn chức danh *ông Câu* như trường hợp ở vùng Công giáo di cư Đăkmil, tỉnh Đắk Nông hiện nay, vốn là dân gốc miền Trung, với chức năng, nhiệm vụ tương tự như *ông Trùm* ở các giáo xứ gốc miền Bắc.

Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức hành chính, tự trị làng xã cổ truyền và sơ đồ tổ chức các xứ đạo Công giáo di cư



Đến năm 1954, những tín đồ Công giáo miền Bắc di cư vào miền Nam, nhưng họ cũng không quên thân phận mình vốn là người miền Bắc với lễ lối suy nghĩ về truyền thống ngàn đời bám lấy nơi chôn nhau cắt rốn. Chính vì vậy, trong giai đoạn đầu định cư, các giáo xứ Công giáo di cư năm 1954 được tổ chức một cách chặt chẽ vừa theo những quy định của giáo hội Công giáo Việt Nam vừa gần gũi với mô hình tổ chức làng - xã cổ truyền Bắc bộ, như sau:

- Linh mục: vị lãnh đạo tinh thần của giáo xứ.

- Hội đồng giáo xứ: gồm những vị đại diện giáo xứ do dân trong xứ bầu lên, làm việc cạnh linh mục, thành phần gồm: một chủ tịch (chánh trương); một phó chủ tịch (phó trương); một thư ký và các ủy viên

truyền bá Phúc âm, phụng vụ, giáo dục, công lý và hòa bình, kinh tế, tài chính, các hội đoàn Công giáo tiến hành.

- Đoàn thể và hiệp hội: dưới Hội đồng giáo xứ là các đoàn thể và hiệp hội. Các đoàn thể gồm: đoàn thể thiếu nhi, đoàn thể thanh niên, liên minh Thánh tâm. Trong đó, thành phần chỉ huy mỗi đoàn gồm đoàn trưởng, đoàn phó, thư ký, thủ quỹ. Các hiệp hội gồm: Hiệp hội Thánh mẫu; Hiệp hội Hùng Tâm Dũng Trí; Hiệp hội Hướng đạo sinh. Sau cùng là các đội, mỗi đội gồm nhiều ban chuyên môn như: ban văn nghệ, ban cứu thương và ban thể thao. Đây cũng là bộ khung chính yếu của cơ cấu tổ chức các giáo xứ Công giáo di cư năm 1954 hiện nay tại Nam bộ.

Quá trình tái sản xuất cấu trúc làng - xã cũng đã tạo ra một cấu trúc xã hội đa hệ thống với các mối quan hệ xã hội đan xen giữa các chiều kích cấu trúc: *bộ máy chính quyền, tổ chức tôn giáo, gia đình, dòng họ* trong các cộng đồng Công giáo di cư. Hiện nay, ở tất cả các xã, ấp cấp cơ sở, thể chế nhà nước đã được thiết lập với bộ máy khá hoàn chỉnh. Tuy vậy, các thiết chế xã hội không chính thống (truyền thống) vẫn luôn tồn tại song hành với các thiết chế xã hội chính thống (các tổ chức nhà nước và đoàn thể). Thậm chí, các thiết chế xã hội truyền thống còn có tác động rất mạnh mẽ với những quy tắc ứng xử nội bộ cộng đồng. Kết cấu tổ chức xã hội vừa thể hiện mối quan hệ giữa các tổ chức, các lực lượng bên trong các làng - xã, vừa cho thấy mối quan hệ giữa làng với cấp quản lý cao hơn của nó là Nhà nước. Điều này cũng phản ánh sự kế tục thiết chế làng xã truyền thống với các cơ chế Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể phân theo lứa tuổi giới tính, nghề nghiệp nhằm quản lý xã hội.

Có thể nói, các thiết chế cộng đồng hiện nay, dù tổ chức giáo xứ hay bộ máy chính quyền đều có tính đan xen với thiết chế truyền thống và hiện tại. Vai trò văn hóa làng xã trước đây và trong giai đoạn hiện nay vẫn giữ một vị trí quan trọng trong đời sống xã hội của dân chúng. Cấu trúc cộng đồng tại vùng người Công giáo di cư năm 1954 thực chất là một cấu trúc đan xen nhiều chiều kích cấu trúc xã hội. Các chiều kích cấu trúc này có ảnh hưởng qua lại với nhau, cũng như đối với các thành viên trong cộng đồng. Mỗi cá nhân sống trong cộng đồng ít nhiều đều có mối liên hệ với các cấu trúc xã

hội khác nhau cùng tồn tại trong cộng đồng. Đặc biệt, trong cộng đồng Công giáo di cư toàn tông, yếu tố tôn giáo có vai trò quan trọng và tác động mạnh mẽ đến các thành viên trong cộng đồng.

Trong bối cảnh xã hội hiện nay, khi cơ cấu tổ chức làng xã truyền thống đang dần dần chuyển đổi sang mô hình đơn vị dân cư theo cơ cấu quản lý nhà nước như thôn, ấp... thì đó cũng là lúc quyền uy truyền thống trong cơ cấu làng xã truyền thống xưa bị phai nhạt dần trong dân chúng. Trong khi đó, cơ cấu tổ chức của các giáo xứ Công giáo di cư vẫn duy trì các đặc trưng cơ bản của làng xã cổ truyền và đóng vai trò đại diện cho loại hình quyền uy truyền thống, vốn tồn tại trong cơ cấu tổ chức làng xã trước đây. Chính vì vậy, vai trò của cơ cấu tổ chức tôn giáo nổi trội hơn các cơ cấu tổ chức xã hội khác trong việc điều chỉnh những hành vi ứng xử, lựa chọn chiến lược sống của các thành viên trong cộng đồng là điều tất yếu.

Đặc biệt, cơ cấu tổ chức của các giáo xứ vùng Công giáo di cư chủ yếu dựa vào nền tảng sự phân định vai trò các thành viên trong cơ cấu tổ chức gia đình như các giới: *gia trưởng* (giới các ông bố), *hiền mẫu* (giới các bà mẹ), *giới trẻ* (thanh niên) và *thiếu nhi* (trẻ em). Cơ cấu tổ chức các giáo xứ phân theo thành phần các giới thực chất cũng dựa trên nền tảng phân định thứ bậc của mô hình gia đình phụ hệ người Việt.

Tính gia trưởng khá đậm nét trong cấu trúc giáo xứ và cấu trúc gia đình của người Công giáo. Vai trò của người đàn ông được đề cao trong mọi hoạt động của gia đình và

giáo xứ. Vị trí của người phụ nữ trong cơ cấu tổ chức giáo xứ Công giáo vẫn còn bị hạn chế rất nhiều so với ngoài xã hội. Trong hầu hết các cộng đồng mà chúng tôi khảo sát dưới các chiều kích cấu trúc xã hội, phụ nữ dường như không nắm giữ bất cứ một vị trí quan trọng nào trong cộng đồng. Thậm chí trong cấu trúc gia đình, người phụ nữ bị đóng khung trong danh xưng “hiền mẫu” với thiên chức làm mẹ gương mẫu và làm người nội trợ đảm đang trong gia đình. Sự phân biệt trật tự thứ bậc theo độ tuổi, giới tính một phần bị chi phối bởi những giá trị, chuẩn mực văn hóa từ trong mỗi gia đình. Về mặt ý nghĩa xã hội, những đặc trưng cấu trúc xã hội trong các giáo xứ Công giáo di cư là biểu hiện đậm nét của mô hình cấu trúc xã hội cổ truyền.

Tuy vậy, đặc điểm cấu trúc cộng đồng Công giáo không phải vì thế mà đứng yên, không biến đổi trong sự vận động không ngừng của xã hội mà nó cũng đang trong quá trình chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình xã hội hiện đại, đặc biệt là thiết chế thân tộc trong các cộng đồng Công giáo di cư. Có thể thấy, mô hình cơ cấu tộc họ của người Công giáo di cư đang chuyển đổi từ mô hình chi tộc họ sang mô hình hiệp hội trong mối tương quan đang định chế hóa lại vai trò và chuẩn mực của các thành viên trong cộng đồng tộc họ. Vai trò và vị thế cá nhân không đơn thuần là những vị thế được gán sẵn mà các cá nhân nhận lấy những vị thế xã hội tương xứng thông qua sự phấn đấu bằng tài năng, sự thừa nhận hay sự mến phục từ người khác.

2. Những chiến lược sống của người giáo dân trong bối cảnh đương đại

Chúng tôi quan niệm, cấu trúc xã hội là sản phẩm do con người là chủ thể kiến tạo nên, và nó được nuôi dưỡng và củng cố bởi hệ thống văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng xã hội. Theo thời gian, cấu trúc xã hội trở thành bộ khung chứa đựng các quan niệm, các hệ thống ý nghĩa mà cá nhân hấp thụ, linh hoạt lựa chọn và xây dựng nên hệ thống giá trị có ý nghĩa, từ đó hình thành chiến lược ứng xử cho riêng mình. Chính vì vậy, các đặc trưng cấu trúc của cộng đồng Công giáo di cư có thể được xem là những nguồn lực và những cưỡng chế đối với các tác nhân xã hội (bao gồm cả cá nhân và nhóm xã hội) thông qua các loại hình quyền uy (authority) chi phối các mối quan hệ xã hội trong cộng đồng.

Nếu như những năm đầu đến định cư trên vùng đất Nam bộ, những tín đồ Công giáo di cư đã cố gắng tái thiết lập mô hình làng - xã truyền thống như là “pháo đài” phòng vệ của cộng đồng trước những bất trắc cuộc sống tha phương thì nay những tín đồ Công giáo di cư đang đứng trước nhiều lựa chọn giữa những chuẩn mực của tiền nhân gây dựng và những nhu cầu thăng tiến bản thân trong bối cảnh chuyển biến xã hội đương đại. Nói theo Berger, cuộc sống của chúng ta không những được quy định bởi những người đương thời với chúng ta, mà cả những người đã khuất từ nhiều thế hệ trước; và năm tháng càng trôi qua, thì những chuẩn mực và quy định của tiền nhân lại càng được “tin tưởng và sùng kính” hơn so với lúc chúng mới được đề ra hồi ban đầu (Berger,

1969, tr. 101). Vì vậy, cuộc sống của chúng ta có thể xem là một dòng chảy không ngừng của các quyết định của bản thân trong sự chòng chéo các mối quan hệ phức tạp của cộng đồng xã hội. Các quyết định của chúng ta luôn chịu sự tác động hay nói cách khác là chịu sự chi phối bởi các cấu trúc xã hội như gia đình, dòng họ, tôn giáo, nhà nước.

Thực tế, mỗi cá nhân không chỉ thuộc về một cấu trúc xã hội duy nhất, mỗi người thường phải đảm nhiệm nhiều vai trò khác nhau, ứng xử với nhiều tư cách khác nhau. Cấu trúc xã hội trong các cộng đồng Công giáo di cư hiện nay cũng vậy. Nó có sức mạnh che chở, nâng đỡ và cố kết các thành viên trong cộng đồng nhưng đồng thời nó cũng tác động chi phối mạnh mẽ hành vi ứng xử của mỗi cá nhân trong cộng đồng trên nhiều lĩnh vực: *giáo dục, lựa chọn nghề nghiệp, lựa chọn cơ hội thăng tiến và đời sống lễ nghi.*

2.1. Về giáo dục

Mỗi cá nhân sinh ra và lớn lên trong vùng Công giáo di cư cùng lúc thừa hưởng hai nền tảng di sản văn hóa: di sản văn hóa truyền thống dân tộc và di sản văn hóa Công giáo phương Tây. Chính vì vậy, nền tảng giáo dục của những tín đồ Công giáo di cư hiện nay, chúng tôi tạm gọi là nền tảng giáo dục kép. Mỗi đứa trẻ sinh ra và lớn lên trong cộng đồng, chúng phải học cách nhận thức và hành xử của một người Việt theo đạo Công giáo. Thực tế, trước khi là người Công giáo họ đã là người Việt Nam, với đầy đủ những phẩm chất vốn có của người Việt. Hơn thế nữa, họ còn sống với tư cách là một tín đồ Công giáo “kính Chúa, yêu người”.

Chính vì vậy, việc giáo dục trong các cộng đồng Công giáo là điều tối quan trọng và được quan tâm hàng đầu trong các mục tiêu chiến lược phát triển của cộng đồng. Cho nên, giáo dục được xem là nền tảng sống đạo và lựa chọn cơ hội thăng tiến của các cá nhân trong cộng đồng. Ngày nay, cùng với sự phát triển của đất nước, người Công giáo đã và đang ý thức rằng yếu tố học thức đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống. Đối với họ, việc đầu tư cho giáo dục là trang bị hành trang thiết yếu trong tiến trình sống đạo, tạo dựng cuộc sống tốt đẹp trên quê hương. Giáo hội Công giáo Việt Nam cũng đang duy trì và tập trung vào mục tiêu chiến lược nâng cao vị thế người Công giáo thông qua con đường giáo dục đức tin, với các chương trình đào tạo “thần học giáo dân”, “tái truyền giáo” và các lớp giáo lý “tác viên tin mừng”... để phát triển lực lượng tông đồ giáo dân.

Nền tảng đạo đức trong các gia đình Công giáo đã tạo nếp sống chuẩn mực cho cộng đồng xã hội. Cha mẹ ngoài trách nhiệm đối với con cái chưa tới tuổi trưởng thành về mặt xã hội, họ còn phải có trách nhiệm đối với Thiên Chúa về việc giáo dục đời sống đức tin cho con cái. Lễ lối sinh hoạt theo giáo xứ đã tạo cho người dân một tinh thần cộng đồng, sinh hoạt gắn bó, tương trợ nhau. Trong các mối quan hệ xã hội, mọi thành viên đề cao các giá trị, chuẩn mực đạo đức của cộng đồng. Cho nên, dư luận cộng đồng có thể được xem là thước đo giá trị đạo đức của từng thành viên trong cộng đồng. Chuẩn mực tôn giáo nằm trên giá đỡ của cấu trúc xã hội, đồng thời chính chuẩn mực tôn giáo góp phần nuôi dưỡng và củng cố hệ thống xã hội

đó. Tuy nhiên, đôi khi chính hệ thống các chuẩn mực, giá trị văn hóa, đạo đức tôn giáo lại là những cản trở cho các cá nhân phát huy vai trò của mình với tư cách là chủ thể, được tự do lựa chọn cơ hội tiến thân mà không bị ràng buộc bởi những tập quán, quan niệm đạo đức, niềm tin tôn giáo.

2.2. Lựa chọn nghề nghiệp và cơ hội thăng tiến

Trong bối cảnh xã hội đương đại, người tín đồ Công giáo không chỉ chọn lựa những nghề nghiệp nhằm nâng cao mức sống mà còn hướng tới những giá trị đạo đức trong đời sống tâm linh và truyền thống văn hóa dân tộc. Chính vì vậy, dù rằng công cuộc đổi mới kinh tế ở Việt Nam mở ra nhiều triển vọng, cơ hội nghề nghiệp phong phú cho mọi thành phần dân cư nhưng chính bản thân mỗi người Công giáo lại tự khu biệt các lĩnh vực nghề nghiệp theo các chuẩn mực đạo đức riêng của cộng đồng mình.

Như đã nói, người Công giáo di cư cùng lúc thừa hưởng hai di sản văn hóa, với hàng hà những quy định, chuẩn mực hướng thiện khác nhau. Chính vì vậy, đứng trước viễn cảnh của sự thay đổi xã hội, những lựa chọn chiến lược sống đối với những tín đồ Công giáo di cư không phải là việc dễ dàng. Những chuẩn mực truyền thống đạo lý của tổ tiên đôi khi lại là những chướng ngại trong việc lựa chọn cơ hội thăng tiến bản thân. Những chuẩn mực đạo đức tựa như những bức tường của “nhà tù” của cuộc đời vây hãm lấy họ. Những bức tường này đã được tạo dựng bởi những di sản văn hóa của tiền nhân, và chúng cũng được chính những người đương thời không ngừng xây dựng

như là bộ khung vững chắc chứa đựng những giá trị, ý nghĩa của cộng đồng.

Chính vì vậy, sự *thăng tiến* mang những giá trị, ý nghĩa khác nhau tùy theo sự lựa chọn những giá trị của cuộc sống và chiều kích cấu trúc xã hội mà họ đang sống. Đôi khi sự thăng tiến đối với cá nhân này mang ý nghĩa quan trọng nhưng lại không có ý nghĩa đối với cá nhân khác. Điều này càng thể hiện sự tương phản rất rõ quan niệm thăng tiến trong đời sống đạo và đời sống xã hội. Tùy vào mỗi quan niệm sống khác nhau mà mỗi cá nhân phải tự đưa ra một sự lựa chọn mà theo họ là hợp lý, có ý nghĩa đối với bản thân. Chính vì vậy, xu hướng chọn lựa cơ hội thăng tiến bản thân của các tín đồ Công giáo bị ảnh hưởng sâu sắc bởi các quan niệm tín lý Công giáo và đạo đức truyền thống văn hóa dân tộc. Dù rằng cũng có những nhân tố khác tác động như chính sách mở cửa của Nhà nước nhưng những nhân tố này tác động không mạnh mẽ bằng các giá trị đạo đức, chuẩn mực của tôn giáo và văn hóa truyền thống. Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng mỗi cá nhân trong xã hội đã tự đặt ra cho mình những ý nghĩa biểu tượng phù hợp với hoàn cảnh lịch sử, văn hóa, tôn giáo, ở đó con người vướng vào “mạng lưới ý nghĩa” (Geertz, 1973) do xã hội, thậm chí chính bản thân mình đặt ra.

Nếu như năm 1954, những tín đồ Công giáo đứng trước một cuộc khủng hoảng nội tâm lớn, phải lựa chọn giữa quê hương, làng mạc và niềm tin tôn giáo thì sự thách thức hôm nay của họ rất có thể là việc chọn lựa những chiến lược sống với đầy rẫy những xung đột nội tâm giữa niềm tin tín ngưỡng

và nhu cầu thăng tiến bản thân. Bởi “điểm mấu chốt của xã hội hiện đại là khả năng của mỗi cá nhân biết cân nhắc và lựa chọn giữa các trách nhiệm, biết cách sống trong mối quan hệ mâu thuẫn của sự trung thành nhiều chiều” (Sandel, 1996). Vai trò của mỗi cá nhân trong xã hội tạo ra bản sắc (identity) của cá nhân đó, một sự định hình dù mang tính lựa chọn nhưng không phụ thuộc vào mục tiêu chung, mà là thể hiện của sự tự do về mục tiêu riêng, về vai trò của bản thân trong sự tồn tại của cộng đồng. Nói cách khác, chính các mối quan hệ cộng đồng xung quanh cá nhân, từ gia đình, hàng xóm cho đến quốc gia, đã định đoạt cái “Tôi” của cá nhân đó. Vì vậy, gánh nặng tâm lý trong lựa chọn chiến lược ứng xử của những tín đồ Công giáo làm sao để vừa duy trì bản sắc cộng đồng, vừa đáp ứng nhu cầu thăng tiến bản thân là biểu hiện tất yếu của quá trình vận động phát triển cộng đồng trong bối cảnh xã hội đương đại.

Tóm lại, điểm chính yếu của bài viết này là mối quan hệ giữa cấu trúc xã hội và vai trò chủ thể của mỗi cá nhân trong cộng đồng Công giáo di cư trên cơ sở xem xét quá trình tái sản xuất cấu trúc làng - xã cổ truyền của người Công giáo di cư tại vùng đất Nam bộ. Đây là quá trình lựa chọn và khẳng định lại bản sắc của cộng đồng người Việt Công giáo di cư tại vùng đất Nam bộ. Người ta đã phải lựa chọn những yếu tố cốt lõi nhất để gìn giữ, yếu tố nào không phù hợp thì loại bỏ hoặc hòa vào các yếu tố Công giáo để tồn tại. Họ tìm lại bản sắc cộng đồng mình thông qua các định chế làng - xã cổ truyền. Tuy vậy, chính những cấu trúc xã hội được tái tạo này đang chịu sự tác động rất lớn bởi quá

trình hiện đại hóa đất nước. Nếu như việc tái sản xuất mô hình cấu trúc làng - xã cổ truyền của cộng đồng Công giáo tại Nam bộ trong giai đoạn lập làng và lập nghiệp sau cuộc di cư năm 1954 được xem là chiến lược phòng vệ, xoa dịu nỗi đau xa quê, gìn giữ những giá trị văn hóa làng - xã cổ truyền thì sau hơn 50 năm nhiều giá trị và chuẩn mực của cấu trúc giáo xứ đã và đang trở nên lỗi thời đối với nhận thức và sự lựa chọn chiến lược sống của các cá nhân trong cộng đồng. Sự khủng hoảng của những cá nhân tín đồ Công giáo ngày nay trong sự lựa chọn chiến lược sống phải chăng thực ra cũng phản ánh sự khủng hoảng của bản thân cấu trúc giáo xứ (hay cộng đồng) sau hơn 50 năm định hình ở vùng đất này? Và do đó, phải chăng cũng có thể dự báo về một quá trình “tái cấu trúc” mới trong các cộng đồng Công giáo vốn đã từng trải qua quá trình tái sản xuất mô hình làng xã cổ truyền cách đây hơn 50 năm?

Tài liệu tham khảo

1. Berger, Peter L. (1969), *Invitation to Sociology - A Humanistic Perspective*, Harmondsworth, Penguin Books.
2. Nguyễn Hồng Dương (2001), *Nghi lễ và Đời sống Công giáo trong văn hóa Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Hồng Dương và cộng sự (2008), *Một số vấn đề nghiên cứu Công giáo*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Nxb Tôn giáo - Nxb Từ điển Bách khoa.
4. Geertz (1973), “Thick Description: Toward an Interpretative Theory of Culture”, Trong: *The Interpretation of Cultures*, Basic Books, Inc. Publisher, New York.

5. Gluckman (1954), *The judicial process among the Barotse of Northern Rhodesia*, Berg Publishing Ltd.

6. Trần Hữu Hợp (2005), *Quá trình hình thành và phát triển cộng đồng Công giáo người Việt vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long*, Luận án Tiến sĩ, Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ.

7. Đỗ Quang Hưng (1990), *Một số vấn đề về lịch sử Thiên Chúa giáo ở Việt Nam*, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Hà Nội.

8. Hồng Lam (1944), *Lịch sử đạo Thiên Chúa ở Việt Nam*, Huế.

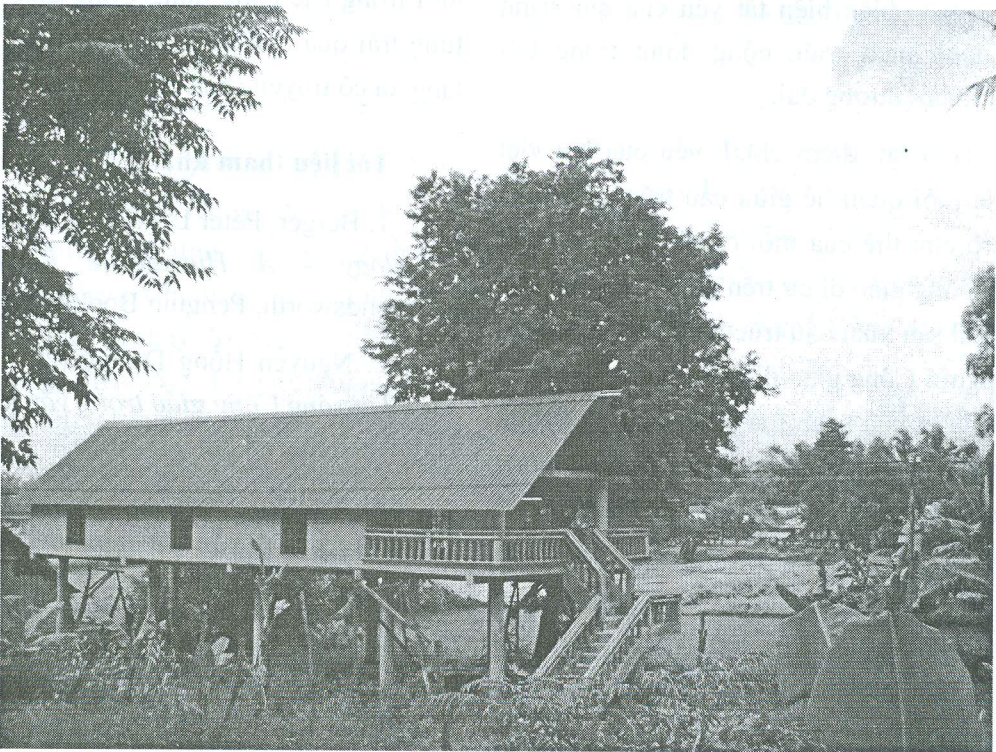
9. Nguyễn Đức Lộc (2008), “Nghĩ lễ, chuẩn mực và tính linh hoạt trong đời sống đạo ở vùng Công giáo Hồ Nai - Đồng Nai”,

Trong: *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Thế giới, tr. 91-108.

10. Nguyễn Phú Lợi (1999), “Cơ cấu tổ chức xã hội - Tôn giáo trong một số Làng Thiên Chúa giáo ở Kim Sơn - Ninh Bình nửa sau thế kỷ XIX đến nửa sau thế kỷ XX”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 2 (303).

11. Nguyễn Phú Lợi (2008), “Vài nét về tổ chức xứ, họ đạo Công giáo ở nước ta từ đầu những năm 90 thế kỷ 20 đến nay”, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, *Một số vấn đề nghiên cứu Công giáo*, PGS. TS Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Nxb Tôn giáo - Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 41-66.

12. Bùi Đức Sinh (1994), *Lịch sử giáo hội Công giáo*, Chân lý xuất bản, Sài Gòn.



Nhà ở của người Ê-đê ở huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk

Ảnh: Nguyễn Trung Dũng